

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày 21-8-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài
sản gắn liền với đất và hủy một phần
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Thọ

Bà Hoàng Thị Nha

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST – DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn C, tên gọi khác Phùng Văn C1, Phùng Thanh T, sinh năm: 1963; cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị K, sinh năm: 1959; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lương Văn C, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn H; Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/04/2018); vắng mặt.

2. Anh Lý Văn Y, sinh năm: 1991; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Lý Thị S, sinh năm: 1995; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Hoàng Thị B, sinh năm: 1967; cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị P (tên gọi khác: P1) sinh năm: 1963; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Lý Thị P, sinh năm: 1952; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Lý L, sinh năm: 1962; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Lý Văn B, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Hứa Thị H, sinh năm: 1969; cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Ông Phùng Văn Q, sinh năm: 1970; cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2018; 26/01/2018 cùng những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất giữa ông với bà Hoàng Thị K. Tổng diện tích đất tranh chấp là 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất tranh chấp có 18 cây thông to do gia đình nguyên đơn trồng năm 1997, 297 cây thông nhỏ do gia đình bị đơn trồng năm 2016, 02 cây đã hương mộc tự nhiên. Thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm

nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 28.743m² do Lâm trường L giao cho gia đình ông, sau đó ông có ký hợp đồng khoán trồng thông, chăm sóc, bảo vệ rừng với Lâm trường L. Trong quá trình quản lý sử dụng đất ông đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Hiện toàn bộ thửa đất đó đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C. Gia đình ông đã quản lý, sử dụng đất và chăm sóc, khai thác giá trị cây nhiều năm không có tranh chấp với ai. Đến năm 2014 thì mới xảy ra tranh chấp với gia đình bị đơn. Nay ông Phùng Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết để ông được quyền quản lý sử dụng 3.352,5m² đất và tài sản (cây) gắn liền với đất. Đối với 297 cây thông con gia đình bị đơn trồng trên đất đang có tranh chấp, ông Phùng Văn C sẽ có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị đơn với giá trị là 4.752.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/4/2018. Ông Phùng Văn C không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 mà Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/3/2012 đã cấp cho ông đối với diện tích 3352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Phùng Văn C yêu cầu giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định với tổng số tiền là 11.943.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng, đồng thời miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn trình bày đề ngày 27/02/2018 cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị K cho biết: Đất tranh chấp có diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là do ông cha của ông Lý Văn N để lại cho gia đình bị đơn nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn. Trên đất tranh chấp có 18 cây thông to là do bà Hoàng Thị K trồng vào năm 1996; 297 cây thông con là do con trai của bị đơn là anh Lý Văn Y và con dâu chị Lý Thị S trồng năm 2016, còn 02 cây dã hương mọc tự nhiên. Việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C là không đúng pháp luật. Vì vậy, bà bác bỏ toàn bộ các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã đưa ra ở trên. Bà Hoàng Thị K đề nghị được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và sở hữu toàn bộ các cây hiện có trên đất, đồng thời yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 mà Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C đối với diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nếu yêu cầu của ông Phùng Văn C được chấp nhận thì ông Phùng Văn C phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S 297 cây thông con có giá trị là 4.752.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/4/2018. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định với tổng số tiền là 11.943.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, do

nguyên đơn khởi kiện nên nguyên đơn tự phải chịu chi phí này, bà Hoàng Thị K đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/02/2018 cùng những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B thống nhất với ý kiến của ông Phùng Văn C đã đưa ra ở trên.

Tại Bản khai ngày 19/3/2018 cùng những lời trình bày tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Y thống nhất với ý kiến của bà Hoàng Thị K.

Tại Bản khai ngày 19/3/2018 cùng những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị S thống nhất với ý kiến của bà Hoàng Thị K đã đưa ra ở trên.

Tại Bản tự khai ngày 04/4/2018 cùng những lời trình bày tiếp theo và đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C đối với thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục, đúng đối tượng theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Nay xảy ra tranh chấp giữa các bên với diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp bởi không có căn cứ pháp luật.

Ông Hoàng Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Phùng Văn C phát biểu ý kiến: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ được thể hiện tại Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012, Kết luận giám định tư pháp ngày 09/7/2018, lời khai của những người làm chứng bà Hoàng Thị P, bà Lý Thị P, ông Lý L, ông Lý Văn B, bà Hoàng Thị D, bà Hứa Thị H, ông Phùng Văn Q; tài liệu do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp L cung cấp và quá trình, quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình nguyên đơn. Căn cứ các quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn C, cụ thể: Ông Phùng Văn C được quyền quản lý và sử dụng diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Ông Phùng Văn C có trách nhiệm trả cho anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S giá trị 297 cây thông con là 4.752.000 đồng. Bác yêu cầu của bà Hoàng Thị K yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp. Do nguyên đơn là

người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Đối với chi phí tố tụng khác mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Lương Văn C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Thị K phát biểu ý kiến: Qua lời khai của những người làm chứng bà Hoàng Thị P, bà Lý Thị P, ông Lý L, ông Lý Văn B xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là đất ông cha để lại cho gia đình bị đơn từ năm 1980. Gia đình bị đơn đã quản lý, sử dụng và trồng thông trên đất từ năm 1996, đến năm 2010 khi gia đình bị đơn san ủi đường băng thì gia đình nguyên đơn cũng không có ý kiến gì. Năm 2016 khi gia đình bị đơn trồng các cây thông con trên đất mới xảy ra tranh chấp với nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đang có tranh chấp cho nguyên đơn là không đúng đối tượng. Qua lời khai của nguyên đơn, Biên bản nghiệm thu năm 2005 thể hiện năm 1997 nguyên đơn chỉ được Lâm trường L giao cho 02 ha đất để trồng rừng, nhưng tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 mang tên ông Phùng Văn C diện tích lại trên 2,8 ha. Chính vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hoàng Thị K được quyền quản lý và sử dụng diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp. Do bị đơn là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Đối với chi phí tố tụng khác mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, do nguyên đơn là người khởi kiện nên nguyên đơn phải tự chịu toàn bộ chi phí này. Nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì nguyên đơn phải có trách nhiệm trả cho anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S giá trị 297 cây thông con là 4.752.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Y đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt

tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa như Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012, Kết luận giám định tư pháp ngày 09/7/2018, Lời khai của các đương sự, của những người làm chứng ... thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100, 166 Luật Đất đai năm 2013 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phùng Văn C được quyền quản lý và sử dụng diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sử hữu toàn bộ tài sản trên đất. Ông Phùng Văn C có trách nhiệm trả cho anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S giá trị 297 cây thông con là 4.752.000 đồng. Bác yêu cầu của bà Hoàng Thị K yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hoàng Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng ông Lý L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do xong đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Phùng Văn C còn có tên gọi khác Phùng Văn C1, Phùng Thanh T. Ông Phùng Văn C là chồng của bà Hoàng Thị B. Bà Hoàng Thị K là vợ của ông Lý Văn N (ông Lý Văn N chết năm 1998). Anh Lý Văn Y là con trai của bà Hoàng Thị K và ông Lý Văn N. Chị Lý Thị S là vợ của anh Lý Văn Y.

[3] Đất tranh chấp có địa danh, địa điểm là: Khu đồi A, thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có các phía tiếp giáp và kích thước như sau: Phía Đông giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 13,4m + 12,6m + 10,8m + 17,8m + 13,9m + 33,6m. Phía Tây giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 12,0m + 32,6m + 16,1m + 19,6m. Phía Nam giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 9,0m + 21,9m. Phía Bắc giáp một phần thửa đất số

151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 14,8m + 16,2m + 9,0m + 39,0m + 11,0m. Đất tranh chấp theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Thửa đất 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích 28.743m² đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C.

[4] Ông Phùng Văn C cho rằng đất tranh chấp và 18 cây thông to trên đất có nguồn gốc do Lâm trường L nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp L giao cho ông vào năm 1997. Còn bà Hoàng Thị K thì cho rằng đất tranh chấp là do ông cha của gia đình ông Lý Văn N để lại cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1980 còn 18 cây thông to trên đất là do gia đình bị đơn trồng vào năm 1996. Việc ông cha gia đình ông Lý Văn N giao đất cho vợ chồng bà Chu Thị K không được lập thành văn bản, chỉ giao bằng miệng. Đối với vấn đề này Tòa án thấy:

[5] Thực hiện Chỉ thị số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chính phủ (Dự án 327) và Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (Dự án 661), từ năm 1991 đến năm 1999, Lâm trường L được giao làm đại diện Chủ đầu tư ký kết hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng với nhân dân một số xã trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có các hộ dân xã Q ký hợp đồng khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án thuộc Chương trình 327/CT và Hợp đồng khoán chăm sóc bảo vệ rừng phòng hộ sông K - L trồng rừng phòng hộ đầu nguồn sông K. Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 5/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch 3 loại rừng, Quyết định số 61/2005/QĐ-BNN ngày 12/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định về tiêu chí phân cấp rừng phòng hộ, căn cứ kết quả điều tra, khảo sát thực tế của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 8/10/2007 phê duyệt dự án rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn. Theo đó, một số diện tích rừng và đất rừng phòng hộ ít xung yếu tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn được điều chỉnh sang rừng sản xuất.

[6] Thực hiện các dự án thuộc chương trình 327/CT năm 1997 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, công văn hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn, căn cứ vào đơn xin nhận đất để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án thuộc chương trình 327/CT của người dân, căn cứ các quy định của pháp luật để giao đất lâm nghiệp được quy định tại Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lạng Sơn, Lâm trường L đã thực hiện ký kết hợp đồng khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án thuộc Chương trình 327/CT trên địa bàn xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Tất cả các đương sự và những người làm chứng trong vụ án đều thừa nhận: Trên cơ sở cộng đồng dân cư thống nhất, chính quyền địa phương xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cùng Lâm trường L đã tiến hành tổ chức họp dân của

các thôn trong xã để bốc thăm giao đất cho người dân trong xã nhằm đảm bảo tính khách quan. Mỗi thôn trong xã tự tổ chức họp riêng nhưng có sự tham gia của cán bộ Lâm trường L, trưởng thôn và chính quyền địa phương. Thôn C, thôn N, xã Q, huyện L khi đó cũng có tiến hành họp thôn, các gia đình trong thôn tiến hành bốc thăm để được nhận phần đất được giao gắn với việc thực hiện chính sách đầu tư hỗ trợ bằng vốn của Nhà nước. Khu đồi A có một phần đất thuộc về thôn C, một phần đất thuộc về thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nên được giao cho người dân ở cả 02 thôn C và thôn N. Tại phần đất khu đồi A thuộc địa phận thôn C được tổ chức gấp thăm và chia cho 05 hộ gia đình của thôn lúc đó là gia đình ông Phùng Văn C; gia đình ông Phùng Văn Q; gia đình bà Hứa Thị H; gia đình trưởng thôn cũ là ông Âu Văn L; gia đình bà Hoàng Thị D. Mặt bên kia khu đồi A được giao khoán cho một số hộ gia đình ở thôn N trong đó có hộ gia đình ông B1, ông C2, ông P1, ông H1, ông B2, ông T1. Tại thời điểm đo đạc giao đất cho người dân ở khu đồi A, thuộc thôn N và thôn C thì người làm chứng ông Lý L (Trưởng thôn N) cùng Trưởng thôn C lúc đó là ông Âu Văn L và cán bộ Lâm trường L tiến hành giao đất cho các hộ gia đình trên thực địa, gia đình ông Phùng Văn C được giao hơn 2ha đất rừng. Khi đó gia đình bà Hoàng Thị K không bốc thăm được đất ở khu đồi A mà bốc thăm được đất ở khu đồi H, thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nên chính quyền đã giao đất ở khu đồi H cho gia đình bà Hoàng Thị K. Khi Nhà nước thực hiện giao đất trên địa bàn xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nói chung và ở khu đồi H, khu đồi A nói riêng vào thời điểm năm 1997 gia đình bà Hoàng Thị K và toàn thể các hộ gia đình trong xã hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Phần đất giao cho các hộ gia đình trên địa bàn xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đều là đất trống, chỉ có các cây bụi nên Lâm trường L đã cung cấp cây thông để các gia đình trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo đúng dự án thuộc Chương trình 327/CT.

[8] Chính bà Hoàng Thị K cũng thừa nhận: Gia đình bà bốc thăm khi đó được khoảng 02ha đất đồi tại khu đồi H, phần đất được giao này trước đây không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà. Sau khi nhận đất, ký kết hợp đồng trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng năm 1997 tại khu đồi H thì bà Hoàng Thị K đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với mảnh đất này. Ngoài ra, trước năm 1997 gia đình bị đơn cũng quản lý toàn bộ khu đồi T, thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn bởi cả khu đồi này cũng là đất ông cha để lại cho gia đình ông Lý Văn N. Năm 1997, thôn N tổ chức họp dân, gấp thăm đất để làm thủ tục giao đất và Lâm trường L giao cây thông cho các gia đình. Tại thời điểm gấp thăm năm 1997 thì con trai của gia đình bị đơn là anh Lý Văn C đã gấp thăm vào một phần đất của khu đồi T với diện tích khoảng 1,7 ha, phần còn lại của khu đồi T thì gia đình bà Hoàng Thị P (người làm chứng) gấp thăm được với diện tích khoảng 2 ha. Gia đình Lý Văn C, gia đình bà Hoàng Thị P cũng được Lâm trường L giao khoán cây thông để trồng trên đất. Gia đình bị đơn không có ý kiến hay tranh chấp gì với gia đình bà Hoàng Thị P về việc gia đình bà Hoàng Thị P gấp thăm vào phần đất mà trước đây gia đình bị đơn đã quản lý, sử dụng. Hiện phần đất giao cho anh Lý Văn C và gia đình bà Hoàng Thị P tại khu đồi T đã được Nhà nước cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai gia đình và hai gia đình không hề có tranh chấp gì về phần đất này.

[9] Các tài liệu do Lâm trường L nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp L cung cấp bao gồm: Đơn xin nhận đất để trồng rừng chăm sóc bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn năm 1997, Hợp đồng khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án thuộc Chương trình 327/CT số 218/HĐK ngày 01/4/1997, Phiếu thanh toán ngày 30/12/2017, Hợp đồng khoán chăm sóc bảo vệ rừng phòng hộ sông K-L năm 1998, Phiếu thanh toán ngày 06/01/1999 (bút lục 199-206) Đây là căn cứ pháp lý thể hiện việc Nhà nước giao đất, giao rừng cho ông Phùng Văn C vào năm 1997.

[10] Các đương sự và người làm chứng đều khẳng định: Sau khi được Nhà nước giao đất, Lâm trường L giao cây thông để trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng dự án thuộc Chương trình 327/CT được vài năm thì Lâm trường L có nghiệm thu, quyết toán thanh lý hợp đồng khoán cho người dân theo quy định của pháp luật. Sau đó các hộ gia đình trên địa bàn xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp có thẩm quyền cấp sổ xanh đối với phần đất được giao khoán. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất năm 2008 thực hiện theo chính sách của Nhà nước các hộ gia đình trên địa bàn xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nói chung và gia đình ông Phùng Văn C, gia đình bà Hoàng Thị K nói riêng đã thực hiện việc kê khai phần đất được giao với cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm làm thủ tục kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các hộ gia đình không hề có tranh chấp với ai. Tại Quyết định về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp tại xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn số 3139 ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, ông Phùng Văn C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với diện tích 28.743m² (số thứ tự 40 của Danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhóm đất Lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn). Cũng tại quyết định này bà Hoàng Thị K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 195 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (số thứ tự 206 của Danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhóm đất Lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn). Điều đó minh chứng việc bà Hoàng Thị K khai: Phần đất đang có tranh chấp gia đình ông Phùng Văn C kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào bà không hề biết để thực hiện quyền khiếu nại, đến năm 2016 xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình bà mới biết phần đất đó đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn C là không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Các đương sự và những người làm chứng trong vụ án đều khẳng định: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một thời gian, theo chính sách của Nhà nước các hộ gia đình trong xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày

15/3/2012 ông Phùng Văn C được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ là CH00073, số phát hành BC 316099 đối với toàn bộ thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với diện tích 28.743m² đất.

[12] Sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất, Lâm trường L giao cây thông để trồng vào năm 1997, gia đình ông Phùng Văn C đã quản lý, sử dụng đất, chăm sóc, bảo vệ và sau này khai thác giá trị cây trên đất mà không hề có tranh chấp với ai. Qua lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng ông Lý L có đủ căn cứ xác định đến năm 2014 gia đình bà Hoàng Thị K đưa máy ủi vào mở đường băng và chặt một số cây gỗ tạp mọc tự nhiên trên đất để làm than nên đã xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình.

[13] Kết luận giám định tư pháp ngày 09/7/2018 của Giám định viên tư pháp theo vụ việc ông Nông Quốc H thể hiện: Căn cứ khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1, khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai kết luận: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 31609, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00073 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C là đúng quy định của pháp luật. Sau khi có Kết luận giám định, tất cả các đương sự trong vụ án đều hoàn toàn nhất trí tính pháp lý của Kết luận giám định, không ai có thắc mắc, không ai có ý kiến đề nghị gì về vấn đề giám định.

[14] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2018 thể hiện trên đất tranh chấp có: 18 cây thông to trong đó có 08 cây thông có đường kính gốc từ 10 đến 20cm, 10 cây thông có đường kính gốc từ 21 đến 30cm; 02 cây dã hương; 297 cây thông con mới trồng có đường kính gốc dưới 05cm. Các đương sự đều thừa nhận: 02 cây dã hương mọc tự nhiên; 297 cây thông con do anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S trồng năm 2016. Đối với 18 cây thông còn lại bà Hoàng Thị K cho rằng bà trồng năm 1996, ông Phùng Văn C xác định do ông trồng năm 1997 theo Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng với Lâm trường L. Để có căn cứ xác định năm trồng của cây thông, Tòa án đã có văn bản gửi Giám định viên tư pháp theo vụ việc lĩnh vực Lâm nghiệp ông Hoàng Xuân N để thực hiện việc trưng cầu giám định năm trồng của 18 cây thông đó. Tại Văn bản ngày 10/5/2018 của Giám định viên ông Hoàng Xuân N đã kết luận: Không thực hiện giám định được bởi nguyên đơn và bị đơn khai năm trồng đối với cây thông chỉ chênh lệch 01 năm. Nên khả năng phân tích xác định tuổi cây không cao và không thể phân biệt được năm nào trồng một cách chính xác.

[15] Luật Đất đai năm 1993 có quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý... Nhà nước giao đất cho các tổ chức kinh tế ... hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài (Điều 1). Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ... và Nhà

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 2). Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất (Điều 3).

[16] Luật Đất đai năm 2003 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua các hình thức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định, quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất (Điều 5). Nhà nước thống nhất quản lý về đất đai (Điều 6). Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ... và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 10). Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của mình (Điều 105). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy chứng nhận do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất để bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất (Điều 4).

[17] Luật Đất đai năm 2013 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này (Điều 4). Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất ... của người sử dụng đất. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ... và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 26). Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình (Điều 166). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền tài sản khác gắn liền với đất (Điều 3).

[18] Vì những phân tích trên có đủ căn cứ xác định: 3352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Phùng Văn C và 18 cây thông trên đất do ông Phùng Văn C trồng. Nên yêu cầu của ông Phùng Văn C đưa ra là có căn cứ được chấp nhận; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C đối với diện tích 3352,5m² đất mà bà Hoàng Thị K đưa ra không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[19] Đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phùng Văn C nên ông Phùng Văn C được quyền sử hữu toàn bộ các cây trồng trên đất. Ông Phùng Văn C phải có trách nhiệm thanh toán giá trị 297 cây thông mới trồng năm

2016 tổng cộng là 4.752.000 đồng cho anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/4/2018.

[20] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[21] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đưa ra là không phù hợp và không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[22] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[23] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phùng Văn C đã tạm chi hết tổng cộng 11.943.000 đồng bao gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: 3.300.000 đồng; chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất 8.343.000 đồng; chi phí giám định 300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn C được chấp nhận và các bên cũng không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu số tiền trên. Bởi vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà Hoàng Thị K phải chịu toàn bộ các chi phí này tổng cộng là 11.943.000 đồng. Bà Hoàng Thị K phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phùng Văn C số tiền tạm ứng ông Phùng Văn C đã bỏ ra là 11.943.000 đồng.

[24] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phùng Văn C, bà Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do nguyên đơn ông Phùng Văn C, bị đơn bà Hoàng Thị K là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên theo quy định của pháp luật ông Phùng Văn C, bà Hoàng Thị K được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phùng Văn C số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01176 ngày 06/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[25] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 1, 2, 3, 19, 73 Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ;

Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 10, 50, khoản 2 Điều 52, Điều 105, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003 và Khoản 1, khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Điều 3, 4, 26, 97, 98, 99, 100, 166 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 255, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 160, 161, 163, 164, 166, 189, 221, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 34, 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn C.

Ông Phùng Văn C được quyền quản lý và sử dụng 3.352,5m² đất rừng sản xuất tại khu đồi A, thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00073 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15 tháng 3 năm 2012 cho ông Phùng Văn C.

Khu đất có kích thước, vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 13,4m + 12,6m + 10,8m + 17,8m + 13,9m + 33,6m.

Phía Tây giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 12,0m + 32,6m + 16,1m + 19,6m.

Phía Nam giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 9,0m + 21,9m.

Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có cạnh gấp khúc 14,8m + 16,2m + 9,0m + 39,0m + 11,0m.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án).

Ông Phùng Văn C được quyền sở hữu cây trồng hiện có trên đất gồm: 18 cây thông trong đó có 08 cây thông có đường kính gốc từ 10 đến 20cm, 10 cây thông có đường kính gốc từ 21 đến 30cm; 02 cây dã hương; 297 cây thông con mới trồng có đường kính gốc dưới 05cm trên diện tích 3.352,5m² đất rừng sản xuất tại khu đồi A, thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Phùng Văn C phải thanh toán giá trị cây trồng (297 cây thông) cho anh Lý Văn Y và chị Lý Thị S với tổng số tiền là 4.752.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2. Bác yêu cầu của bà Hoàng Thị K yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 316099, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH: 00073 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/3/2012 cho ông Phùng Văn C đối với diện tích 3.352,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 151 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; giám định

Bà Hoàng Thị K phải chịu 11.943.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định. Bà Hoàng Thị K phải trả cho ông Phùng Văn C số tiền là 11.943.000 đồng (mười một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định.

4. Về án phí

Ông Phùng Văn C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phùng Văn C số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01176 ngày 06/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Hoàng Thị K được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND hLộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS hL, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
-;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa